

Bản án số: 20/2021/DS-PT

Ngày 20-5-2021

V/v “*Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài
sản bị xâm phạm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Lê Thanh Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2021/QĐ-PT ngày 20/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 23/2021/QĐ-PT ngày 02/02/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 73/TB-TA ngày 24/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 36/2021/QĐ-PT ngày 19/3/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 14/2021/QĐPT-DS ngày 13/4/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 20/TB-TA ngày 14/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 63/2021/QĐ-PT ngày 28/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N1 – sinh năm 1964; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ đại diện tư vấn Hậu Công Lý.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Thủy T – Giám đốc.

Địa chỉ Công ty: Số 276 đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/02/2020).

2. Anh Nguyễn Tiến N – sinh năm 1995; cư trú tại tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2020).

3. Anh Ngô Duy H – sinh năm 1994; cư trú tại thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chị Nguyễn Thị H1 – sinh năm 1996

Địa chỉ liên hệ: Số 276 đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021).

- *Bị đơn*: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Mai Tấn T - Chủ tịch.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Mai Tấn D; cư trú tại thôn Thạch Trụ Đông, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Trần Thanh H2; địa chỉ nơi làm việc: Đảng ủy xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn N1 là nguyên đơn.

(Ông Nguyễn Văn N1, anh Ngô Duy H, chị Nguyễn Thị H1 có mặt tại phiên tòa; đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ, ông D, ông H2 có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Võ Thị Thủy T và anh Nguyễn Tiến N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đệ ngày 25/11/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng trình bày:*

Ngày 15/9/2006, mẹ của ông N1 là cụ Châu Thị L đến Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đ để yêu cầu chứng thực di chúc. Lúc này, cụ L còn minh mẫn, ý chí của cụ L muốn để lại tài sản cho ông N1 là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 44, diện tích 286,7m² tại xã Đ được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho cụ L vào ngày 08/02/2006. Quá trình chứng thực có người chứng kiến là ông Nguyễn Th. Trình tự thủ tục chứng thực do UBND xã Đ hướng dẫn, lúc đó Chủ tịch UBND xã Đ là ông Mai Tiến D và cán bộ Tư pháp là ông Trần Thanh H2. Tuy nhiên, tại bản án dân sự phúc thẩm số 34/2019/DS-PT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cho rằng cụ L không ký vào bản di chúc trước mặt ông D và ông D cũng không chứng thực vào bản

di chúc trước mặt cụ L và ông Th nên kết luận di chúc của cụ L là không hợp pháp do việc chứng thực không đúng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh UBND xã Đ tự ý hướng dẫn thực hiện việc chứng thực không đúng, lỗi thuộc về UBND xã Đ.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ; Điều 619 Bộ luật dân sự năm 2005, ông N1 yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc UBND xã Đ phải bồi thường thiệt hại do cán bộ, công chức gây ra cho ông N1 số tiền 1.238.544.000 đồng.

Tuy nhiên, tại đơn trình bày ngày 08/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông N1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu UBND xã Đ bồi thường cho ông N1 số tiền 761.803.560 đồng. Ngoài ra, ông N1 không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 27/12/2019, biên bản làm việc ngày 13/5/2020, bị đơn là UBND xã Đ do ông Mai Tấn Thành là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Thời điểm năm 2006, ông Mai Tấn D là Chủ tịch UBND xã Đ, là người trực tiếp ký chứng thực Di chúc ngày 15/9/2006 của cụ Châu Thị L. Lúc đó, ông Trần Thanh H2 đang là Công chức Tư pháp - Hộ tịch của UBND xã Đ được giao nhiệm vụ giám sát chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân trong lĩnh vực chứng thực. Ông H2 là người đã trực tiếp giám sát việc lập di chúc của cụ L vào ngày 15/9/2006, sau đó tham mưu cho Chủ tịch UBND xã Đ ký chứng thực.

Nay, ông Nguyễn Văn N1 yêu cầu UBND xã Đ bồi thường số tiền 761.803.560 đồng thì UBND xã Đ không đồng ý, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N1.

** Tại biên bản làm việc ngày 20/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Tấn D trình bày:*

Năm 2006, ông là Chủ tịch UBND xã Đ, là người trực tiếp ký chứng thực Di chúc ngày 15/9/2006 của cụ Châu Thị L, trên cơ sở tham mưu của ông Trần Thanh H2 là Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Đ tại thời điểm đó. Tại thời điểm năm 2006, theo quy định về chứng thực di chúc thì công dân phải thực hiện ký hoặc điểm chỉ trước mặt Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch. Tuy nhiên đối với lãnh đạo UBND xã, do đặc thù công việc phải thường xuyên bận họp và đi công tác ở cơ sở. Vì vậy, để tạo điều kiện cho công dân khi đến làm các thủ tục hành chính tại UBND xã thì lãnh đạo UBND xã đã thống nhất giao cho Công chức Tư pháp (lúc đó là ông Trần Thanh H2) trực tiếp giám sát chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân trong lĩnh vực chứng thực (thay vì công dân phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch).

Ngày 15/9/2006, ông có ký chứng thực vào Di chúc của cụ Châu Thị L tại số chứng thực 12, quyển số 01/TP/CC-SCT/HĐGD trên cơ sở tham mưu, trình ký của ông Trần Thanh H2. Việc lập di chúc, giám sát việc điểm chỉ vào di chúc là do ông H2 thực hiện tại Phòng Tư pháp mà không có mặt ông, sau đó ông H2 đem Di chúc trình ký tại phòng của ông và ông đã ký chứng thực vào Di chúc. Tại thời điểm ông ký

chứng thực vào Di chúc thì chỉ có ông và ông H2. Bản di chúc lúc đó đã được cụ L điền chỉ và người làm chứng là ông Nguyễn Th đã ký.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N1, ông yêu cầu Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

** Tại biên bản làm việc ngày 20/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh H2 trình bày:*

Năm 2006, ông là Công chức Tư pháp - Hộ tịch của UBND xã Đ được giao nhiệm vụ giám sát chữ ký hoặc điền chỉ của công dân trong lĩnh vực chứng thực. Ông chính là người đã trực tiếp giám sát việc lập di chúc của cụ Châu Thị L vào ngày 15/9/2006, sau đó tham mưu cho Chủ tịch UBND xã Đ là ông Mai Tấn D ký chứng thực.

Ngày 15/9/2006, cụ L mang tờ Di chúc đã soạn sẵn đến Phòng Tư pháp xã Đ (có sự chứng kiến của ông Nguyễn Th), yêu cầu chứng thực Di chúc để lại tài sản là quyền sử dụng đất đã được Nhà nước cấp cho cụ L đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 44, diện tích 286,7m² tại xã Đ cho con trai là ông Nguyễn Văn N1. Lúc đó, ông là Công chức Tư pháp - Hộ tịch, đã kiểm tra nội dung Di chúc và thông qua nội dung Di chúc cho cụ L và ông Th nghe. Sau đó, cụ L trực tiếp điền chỉ vào Di chúc, ông Th đọc lại và ký vào Di chúc. Sau đó, ông soạn thảo lời chứng thực rồi đem tờ Di chúc lên phòng ông D để ông D ký chứng thực Di chúc. Khi đem tờ Di chúc lên phòng ông D chỉ có ông, không có ông Th và cụ L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N1, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N1 về việc yêu cầu UBND xã Đ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 17/8/2020, ông Nguyễn Văn N1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án số 10/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Tại phiên tòa, ông N1 rút một phần kháng cáo về phần án phí.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1 làm trong hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp

nhận. Tại phiên tòa, ông N1 tự nguyện rút một phần nội dung kháng cáo liên quan đến phần án phí. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần nội dung kháng cáo của ông N1.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện M. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 05/8/2020, Tòa án nhân dân huyện M tuyên án vụ án nêu trên. Ngày 17/8/2020, ông Nguyễn Văn N1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận.

[1.2] Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ đại diện tư vấn Hậu Công Lý và anh Nguyễn Tiến N vắng mặt lần thứ 3 không có lý do; đại diện UBND xã Đ, ông Mai Tấn D và ông Trần Thanh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn N1 và người đại diện theo ủy quyền của ông N1 đều xác định, ông N1 yêu cầu UBND xã Đ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (thiệt hại về tài sản) do cán bộ, công chức của UBND xã Đ gây ra cho ông N1 theo quy định tại Điều 619 Bộ luật dân sự năm 2005. Ông N1 khẳng định, ông không yêu cầu UBND xã Đ bồi thường thiệt hại cho ông theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước vì thời điểm UBND xã Đ chứng thực Di chúc của cụ Châu Thị L vào ngày 15/9/2006 chưa có Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 619 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông N1 xác định căn cứ để ông yêu cầu UBND xã Đ bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 761.803.560 đồng là căn cứ vào Bản án số 34/2019/DSPT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là Bản án số 34) đã xác định Di chúc của cụ Châu Thị L được UBND xã Đ chứng thực vào ngày 15/9/2006 không

hợp pháp là do cán bộ của UBND xã Đ hướng dẫn và chứng thực không đúng quy định của pháp luật, nên ông yêu cầu UBND xã Đ bồi thường thiệt hại số tiền trên cho ông.

[2.2] Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đối với vụ án: *“Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất; yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; yêu cầu hủy di chúc; chia thừa kế theo pháp luật”* giữa nguyên đơn là ông N1 với bị đơn là bà Nguyễn Thị Luận cùng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và tại phiên tòa hôm nay, ông N1 đều thừa nhận: Thừa đất số 420, tờ bản đồ số 44, diện tích 286,7m² tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 420) tài sản là của cha, mẹ ông là cụ Nguyễn L1 và cụ Châu Thị L, không phải là tài sản riêng của cụ Châu Thị L, nhưng cụ Châu Thị L đã lập Di chúc định đoạt toàn bộ thửa 420 cho ông N1 mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ Nguyễn L1 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Lý.

[2.3] Ông N1 thừa nhận cụ Châu Thị L là người không biết chữ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: *Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực; và tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc...* Theo Di chúc của cụ L thể hiện thì ông Nguyễn Th chỉ là người ký làm chứng và chỉ có một người làm chứng là không đúng theo quy định đã viện dẫn nêu trên.

[2.4] Tại phiên tòa, ông N1 thừa nhận ông chỉ nghe cụ Châu Thị L nói lại Di chúc của cụ Châu Thị L là do cán bộ Tư pháp của UBND xã Đ lập, nên theo ông N1 chỉ cần một người làm chứng là đủ theo quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, theo trình bày của ông Trần Thanh H2 – Công chức Tư pháp, hộ tịch của UBND xã Đ và theo nhận định của Bản án số 34 thì cụ Châu Thị L soạn sẵn Di chúc đem đến UBND xã Đ để chứng thực, không phải được lập tại UBND xã Đ, nên trình bày của ông N1 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Việc ký, điểm chỉ của cụ Châu Thị L và ông Nguyễn Th không được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực là không đúng quy định tại Điều 11 Nghị định 75/2000/CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định về công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, Di chúc của cụ Châu Thị L không chỉ không hợp pháp về hình thức mà còn không hợp pháp về nội dung. Do đó, việc ông N1 cho rằng UBND xã Đ thực hiện việc chứng thực không đúng, dẫn đến Di chúc của cụ Châu Thị L không hợp pháp để yêu cầu UBND xã Đ bồi thường do cán bộ, công chức gây ra là không có căn cứ chấp nhận, không phù hợp với nhận định trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N1 là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông N1.

[2.6] Ngày 20/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận được Đơn rút một phần kháng cáo và văn bản yêu cầu ra thông báo rút một phần kháng cáo của ông N1 cùng đề ngày 16/11/2020 về việc rút một phần kháng cáo tại mục 2 trong phần Quyết định của Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện M và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ra thông báo về việc ông rút một phần kháng cáo. Theo quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc ông N1 rút một phần kháng cáo sẽ được Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định và quyết định đình chỉ xét xử phần ông N1 rút kháng cáo trong Bản án phúc thẩm. Tại phiên tòa, ông N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu rút một phần kháng cáo về án phí. Xét việc ông N1 rút một phần kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phần kháng cáo ông N1 đã rút về án phí.

[2.7] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *“Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà Nước”*, nên mặc dù yêu cầu khởi kiện của ông N1 không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, nhưng ông N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà Nước. Tuy nhiên, như nhận định tại mục [1.3], phần [1] tại phần nhận định của Bản án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là: *“Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N1 không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, nên ông N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của ông N1 không được chấp nhận. Do đó, mặc dù ông N1 đã rút một phần kháng cáo về án phí, nhưng theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử buộc ông N1 phải chịu 34.472.100 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm [761.803.560 đồng = 20.000.000 đồng + (361.803.560 đồng x 4%)], nên cần sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326, ông N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng, ông N1 phải chịu 34.772.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.578.160 đồng theo Biên lai số AA/2018/0002512 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Ông N1 còn phải nộp 10.194.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

UBND xã Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 289, Điều 293, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 619, khoản 3 Điều 652, Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1 về phần án phí.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1, sửa bản án số 10/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi về phần án phí.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn N1 số tiền 761.803.560 đồng (*bảy trăm sáu mươi một triệu, tám trăm lẻ ba ngàn, năm trăm sáu mươi*).

2.2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N1 phải chịu tổng cộng 34.772.100 đồng (*ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn, một trăm*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.578.160 đồng theo Biên lai số AA/2018/0002512 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Ông N1 còn phải nộp 10.194.000 đồng (*mười triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn*).

Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan